

Bản án số: 412/2020/DS-PT

Ngày: 22/10/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Hoàng Thị Thu Lan

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Quốc Thái

Bà Ngô Thị Thu Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang. - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội :

Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 22 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 218/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G.L, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 367/2020/QĐ-PT ngày 05/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 474/2020/QĐ-PT ngày 25/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 495/2020/QĐ-PT ngày 09/9/2020; Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 731/2020/TB-TA ngày 08/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V (V Bank).

Trụ sở: Số 89 L.H, phường L.H, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T, ông Đỗ Thành T, cùng chức vụ: Phó Giám đốc Khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ, V Bank hội sở; ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng, S và cá nhân; **Người được ủy quyền lại:** Ông Cao Duy T, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ V Bank AMC; ông Đinh Trần Đại N, ông Trần Lâm S, sinh năm 1994, cùng chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ V Bank AMC; Địa chỉ: Tầng 2B, tòa nhà R6-R, số 72 N.T, quận T.X, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Đ.T.L, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số 06 đường Đ, tổ dân phố A.Đ, thị trấn T.Q, huyện G.L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông B.H.T, sinh năm 1986; Địa chỉ: số 14, hẻm 267/2/16 H.H.T, L.G, B.Đ, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đ.T.N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố A.Đ, thị trấn T.Q, huyện G.L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T.Q.C, sinh năm 1966; Địa chỉ: số 165 ngõ 173 H.H.T, phường N.H, quận B.Đ, Hà Nội.

2. Cháu Đ.G.H, sinh năm 2018.

3. Bà Đ.T.T.H, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A.Đ, thị trấn T.Q, huyện G.L, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Ông Đ.T.L - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2019 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V (viết tắt là V Bank) trình bày:

- Ông Đ.T.L có nhu cầu vay tiền của Ngân hàng V Bank. Ngày 15/10/2014 ông Đ.T.L và Ngân hàng V Bank – chi nhánh T.L-Phòng giao dịch T.H.N.C đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1939735, theo đó ông T.L vay Ngân hàng V Bank số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng (10 năm), mục đích vay là mua sắm đồ dùng gia đình, lãi suất quy định tại Khế ước nhận nợ ngày 15/10/2014, thỏa thuận lãi suất trong hạn là 5%/năm trong 12 tháng từ ngày giải ngân, sau đó sẽ được điều chỉnh 03 tháng/1 lần, lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo khoản vay của Hợp đồng tín dụng ông Đ.T.L đã thế chấp tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 518780, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 03324/2953/QĐ-UBND do UBND huyện G.L, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/11/2011, thửa đất số 17(1)-3, tờ bản đồ số 34, diện tích 89,3m² tại Tổ dân phố A.Đ, thị trấn T.Q, huyện G.L, Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 3808/2014, quyền số 03-2014 ngày 13/10/2014 tại Văn phòng công chứng K.Đ, Hà Nội

Ngân hàng V Bank đã giải ngân số tiền 900.000.000 đồng cho ông T.L được thể hiện tại Khế ước nhận nợ ngày 15/10/2014.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 20/5/2016 ông T.L thanh toán cho Ngân hàng V Bank số tiền 135.000.000 đồng nợ gốc và 96.628.289 đồng tiền lãi trong hạn, từ ngày 20/5/2016 ông T.L bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và tiền lãi nên Ngân hàng V Bank đã tính lãi quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 20/5/2016. Tính đến ngày

31/10/2019 ông T.L còn nợ Ngân hàng V Bank tổng số tiền là 1.274.246.254 đồng, trong đó nợ gốc là 765.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 509.246.254 đồng;

- Ngày 02/4/2015 ông T.L đã ký Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng V Bank với hạn mức 57.000.000 đồng, ngày 06/4/2015 Ngân hàng bắt đầu mở thẻ cho ông T.L, ông T.L bắt đầu rút tiền từ thẻ, kể từ ngày rút tiền sau 1 tháng ông T.L phải nộp lại số tiền đã rút vào thẻ, nếu không nộp Ngân hàng bắt đầu tính lãi quá hạn quy định tại Quyết định số 265/2018/QĐ-TGD ngày 05/4/2018 về việc Ban hành thay đổi lãi suất của Thẻ tín dụng áp dụng cho khách hàng cá nhân là 150% của 2.59%/tháng trên số tiền đã rút kể từ ngày hết hạn 01 tháng đó. Tính đến ngày 21/12/2015 ông T.L đã rút ra 42.882.795 đồng nhưng ông T.L mới chỉ nộp vào tài khoản 6.882.795 đồng, nên ông T.L đã vi phạm nghĩa vụ nộp lại tiền vào thẻ là 36.057.230 đồng, nên bắt đầu từ ngày 21/12/2015 ông T.L phải chịu lãi suất quá hạn như quy định trên và phải chịu phí. Đến nay, thẻ tín dụng ông T.L còn nợ gốc là 36.057.230 đồng, nợ lãi phải trả và phí là 118.934.859 đồng, tổng nợ của thẻ tín dụng là 154.992.089 đồng.

Nay Ngân hàng V Bank yêu cầu ông Đ.T.L phải thanh toán cho Ngân hàng V Bank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 1939735 ngày 15/10/2014 và tiền nợ gốc, tiền lãi quá hạn và phí thẻ phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 02/04/2015 của Ngân hàng V Bank tính đến ngày 31/10/2019, nợ gốc là 801.057.230 đồng, nợ lãi quá hạn là 628.181.113 đồng, tổng cộng là 1.429.238.343 đồng.

Yêu cầu ông T.L tiếp tục phải trả lãi suất quá hạn kể từ ngày 01/11/2019 trên số nợ gốc chưa thi hành theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đối với từng khoản nợ cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng V Bank.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông T.L không thanh toán cho Ngân hàng V Bank toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng V Bank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là : Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 17(1)-3, tờ bản đồ số 34, tổ dân phố A.Đ, thị trấn T.Q, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 518780, số vào sổ cấp GCN: CH03324/2953/QĐ-UBND do UBND huyện G.L cấp ngày 08/11/2011 đứng tên ông Đ.T.L.

Bị đơn là ông Đ.T.L : Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, ông Đ.T.L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo lời khai của Ngân hàng, Giấy triệu tập, Thông báo phiên hòa giải ... nhưng ông T.L không đến Tòa án nên không có lời khai.

Ngày 27/6/2019 ông Đ.T.L gửi đơn trình bày với nội dung: Do không hiểu biết pháp luật, ngày 13/10/2014 ông đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng V Bank – chi nhánh V Bank T.L, phòng giao dịch T.H.N.C để vay số tiền 900.000.000 đồng. Hiện nay ông thấy Hợp đồng thế chấp giữa ông và Ngân hàng không đúng quy định của pháp luật vì: Diện tích đất và ngôi nhà 1 tầng là tài sản chung của ông và vợ trước là bà Đ.T.T.H, nhưng trong hợp đồng thế chấp không có chữ ký của bà H vì ông không có quyền định đoạt toàn bộ nhà và đất nêu trên. Diện tích tầng 2 và tầng 3 ngôi nhà là tài sản chung của ông và vợ là chị Đ.T.N; Ngôi nhà này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà nên không thể trở thành tài sản thế chấp. Ngôi nhà không phải là tài sản riêng của ông như cam kết tại điểm e, khoản 2, Điều 5 hợp đồng thế chấp là mọi tài sản trên đất thuộc tài sản thế chấp, nên thỏa thuận này không có giá trị.

Ông Đăng T.L đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 3808/2014, quyển số 03-2014 ngày 13/10/2014 tại Văn phòng công chứng K.Đ, Hà Nội giữa ông và Ngân hàng V Bank là Hợp đồng vô hiệu và buộc Ngân hàng V Bank bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, tinh thần và thiệt hại về kinh tế do việc đòi nợ của Ngân hàng V Bank gây ra cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đ.T.N và cháu Đ.G.H (do bà N là người đại diện theo pháp luật), bà Đ.T.T.H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo xem xét thẩm định tại chỗ, Thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai tại Tòa án.

Ngày 24/10/2019 Tòa án nhận được Đơn đề nghị của bà N trình bày năm 2018 có nội dung: Bà N kết hôn với ông T.L năm 2017, trước khi cưới bà có đưa cho ông T.L 200.000.000 đồng để xây nhà bê tông 2 tầng 70m² trên thửa đất ông T.L đã thế chấp Ngân hàng, đề nghị Tòa án: việc ông T.L cam kết tài sản trên đất của ông T.L là không đúng, trách nhiệm của Ngân hàng trong việc gây thiệt hại kinh tế cho gia đình là 600.000.000 đồng

Tháng 4/2019 cháu Hùng là con trai của ông T.L với vợ trước (bà Đ.T.T.H) có đơn gửi Công an về việc tranh chấp đất với ông T.L, cho rằng thửa đất là tài sản chung của ông T.L với bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G.L, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V Bank đối với ông Đ.T.L về:

+ Yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 1939735 ngày 15/10/2014 và Khế ước nhận nợ số 1939735 ngày 15/10/2014 giữa Ngân hàng V Bank và ông Đ.T.L.

+ Yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn, phí phát sinh từ Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 02/4/2015 giữa Ngân hàng V Bank và ông Đ.T.L.

2. Xác nhận ông Đ.T.L còn nợ Ngân hàng V Bank tính đến ngày 31/10/2019 là 1.429.238.343 đồng (Một tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm bốn mươi ba đồng), trong đó nợ gốc của hợp đồng tín dụng là 765.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng là 509.246.254 đồng, nợ gốc của thẻ tín dụng quốc tế là 36.057.230 đồng, nợ lãi quá hạn và phí của thẻ tín dụng quốc tế là 118.934.859 đồng.

3. Buộc ông Đ.T.L phải thanh toán cho Ngân hàng V Bank số tiền 1.429.238.343 đồng (Một tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm bốn mươi ba đồng), trong đó nợ gốc của hợp đồng tín dụng là 765.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng là 509.246.254 đồng, nợ gốc của thẻ tín dụng quốc tế là 36.057.230 đồng, nợ lãi quá hạn và phí của thẻ tín dụng quốc tế là 118.934.859 đồng.

Kể từ ngày 01/11/2019 ông T.L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của từng số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, trong cam kết mở thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, trong cam kết mở thẻ tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đ.T.L không trả được khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng V Bank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên và tổ chức phát mại tài sản thế chấp sau để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng là Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 17(1)-3, tờ bản đồ số 34, tổ dân phố A.Đ, thị trấn T.Q, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 518780, số vào sổ cấp GCN: CH03324/2953/QĐ-UBND do UBND huyện G.L cấp ngày 08/11/2011 đứng tên ông Đ.T.L, chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 3808/2014, quyển số 03-2014 ngày 13/10/2014 tại Văn phòng công chứng K.Đ, Hà Nội. Khi xử lý tài sản thế chấp ông Đ.T.L, bà Đ.T.N, cháu Đ.G.H do ông T.L và bà N là người giám hộ, phải có trách nhiệm bàn giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông T.L thanh toán

xong các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng V Bank thì Ngân hàng V Bank cùng ông T.L thanh lý Hợp đồng thế chấp, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T.L mà không xử lý tài sản thế chấp.

Bà Đ.T.N, bà Đ.T.T.H nêu tiếp tục tranh chấp tài sản trên thửa đất thế chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự...

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/11/2019 ông Đ.T.L (bị đơn) kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Hợp đồng thế chấp giữa ông và ngân hàng không đúng quy định của pháp luật vì Nhà đất gia đình ông đang sử dụng có phần tài sản chung của vợ con ông, nhưng cấp sơ thẩm không xem xét đến quyền lợi của vợ con ông. Khi xác định tài sản thế chấp, ngân hàng chỉ tính giá trị quyền sử dụng đất không tính giá trị nhà ngôi nhà 3 tầng.

Tại cấp phúc thẩm, ông Đ.T.L có đơn đề nghị ngày 29/8/2020 với nội dung: Ông chỉ ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V Bank, ông không biết và không ký vào Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại Ngân hàng V Bank. Hiện nay gia đình ông đang cho ông N.V.Q thuê toàn bộ tầng 1 của ngôi nhà 3 tầng để kinh doanh. Thời gian thuê nhà từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2024 giá thuê nhà 05 triệu đồng/tháng. Ông Q đã thanh toán cho ông toàn bộ tiền thuê nhà là 600 triệu đồng. Do vậy nếu tài sản bị phát mại thì sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Q.

Ông N.V.Q có đơn đề nghị ngày 29/8/2020 trình bày về việc thuê nhà của ông L và xuất trình Hợp đồng thuê nhà ký kết ngày 01/04/2014 giữa ông L và ông Q, Hợp đồng thuê nhà không có công chứng, chứng thực. Ông Q đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết quyền lợi của ông trong cùng vụ án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại cấp phúc thẩm, ông N.V.Q và ông Đ.T.L xuất trình Hợp đồng thuê nhà ký kết ngày 01/4/2014 giữa ông L và ông Q, có nội dung: Ông T.L cho ông Q thuê tầng 1 của ngôi nhà 3 tầng để kinh doanh, thời gian thuê 10 năm, giá thuê 05 triệu đồng/tháng, ông Q đã trả toàn bộ tiền thuê nhà là 600 triệu đồng, thời hạn thuê nhà đến 31/3/2024 mới hết. Hợp đồng thuê nhà không có công chứng, chứng thực. Tại cấp sơ thẩm, ông T.L không cung cấp thông tin

người thuê nhà. Đây là tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để xác minh làm rõ việc ông T.L cho ông Q thuê nhà trước hay sau khi ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân hàng V Bank.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng V Bank:

Ông Đ.T.L xác nhận đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1939735 ngày 15/10/2014 với Ngân hàng V Bank - Chi nhánh T.L- Phòng giao dịch Trung Hòa Nhân Chính. Bản án sơ thẩm buộc ông Đ.T.L phải thanh toán trả cho Ngân hàng V Bank tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 31/10/2019 số tiền là 1.274.246.254 đồng, trong đó nợ gốc là 765.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 509.246.254 đồng là có căn cứ. Nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

2. Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, lãi quá hạn và phí phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng V Bank:

Ngân hàng V Bank do người đại diện trình bày: Ngày 02/4/2015 ông T.L đã ký Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng V Bank với hạn mức 57.000.000 đồng. Ngày 06/4/2015 Ngân hàng V Bank bắt đầu mở thẻ cho ông T.L. Ông T.L đã rút tiền từ thẻ, tính đến ngày 21/12/2015 ông T.L đã rút ra 42.882.795 đồng nhưng ông T.L mới chỉ nộp vào tài khoản 6.882.795 đồng, nên ông T.L đã vi phạm nghĩa vụ nộp lại tiền vào thẻ số tiền là 36.057.230 đồng. Đến nay, thẻ tín dụng của ông T.L còn nợ tiền gốc là 36.057.230 đồng, nợ lãi phải trả và phí là 118.934.859 đồng, tổng nợ của thẻ tín dụng là 154.992.089 đồng.

Ông Đ.T.L khai, ông không biết và không ký vào Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại Ngân hàng V Bank.

Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành trưng cầu giám định theo yêu cầu của ông T.L. Tại Kết luận giám định số 308/C09 – P5 ngày 05/10/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an đã kết luận đúng chữ ký của ông T.L tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Do đó có đủ căn cứ xác định ông Đ.T.L đã ký vào Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 02/4/2015 với Ngân hàng V Bank.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ.T.L phải thanh toán trả cho Ngân hàng V Bank số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn, phí của Thẻ tín dụng quốc tế tính đến ngày 31/10/2019 là 1.428.181.343 đồng, trong đó nợ gốc là 801.057.230 đồng, nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng và nợ lãi quá hạn, phí của thẻ tín dụng quốc tế là 628.181.113 đồng là có căn cứ

3. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng V Bank:

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng số 1939735 ngày 15/10/2014 ông Đ.T.L đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng V Bank là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 17(1)-3, tờ bản đồ số 34 tại Tổ dân phố A.Đ, thị trấn T.Q, huyện G.L, Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 518780, số vào sổ cấp GCN: CH03324/2953/QĐ-UBND do UBND huyện G.L cấp ngày 08/11/2011 đứng tên ông Đ.T.L, theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 3808/2014, quyền số 03-2014 ngày 13/10/2014 tại Văn phòng công chứng K.Đ, thành phố Hà Nội. Đã đăng ký thế chấp ngày 14/10/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện G.L, Hà Nội.

Bà Đ.T.T.H (vợ cũ ông T.L) cho rằng tài sản trên đất có phần đóng góp của bà, tuy nhiên bà H không có tài liệu nào chứng minh, theo Giấy cam đoan công chứng số 559.2021/GCĐ ngày 27/9/2012 lập tại Văn phòng công chứng A1-TP Hà Nội bà H đã cam đoan “ *Toàn bộ thửa đất nói trên là tài sản riêng của anh Đ.T.L có được trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại. Tôi không có bất cứ đóng góp, quyền lợi hay nghĩa vụ gì đối với toàn bộ thửa đất này và tài sản hình thành trên thửa đất (nếu có), anh Đ.T.L có toàn quyền định đoạt thửa đất nêu trên mà tôi không có bất cứ thắc mắc và khiếu nại nào*”. Do đó không có căn cứ chấp nhận lời khai trên của bà H.

Bà Đ.T.N (vợ ông T.L) có Đơn đề nghị với nội dung: Bà Nkết hôn với ông T.L năm 2017, trước khi cưới bà có đưa cho ông T.L 200.000.000 đồng để xây nhà bê tông 2 tầng 70m² trên thửa đất ông T.L đã thế chấp Ngân hàng, tuy nhiên bà N không xuất trình tài liệu, chứng cứ để chứng minh và không có đơn yêu cầu độc lập, nên không có cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp do các bên tự nguyện ký kết, được lập thành văn bản có công chứng, tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Về việc ông T.L chỉ thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất: Căn cứ vào khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp và Điều 325 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định khi xử lý tài sản đảm bảo nhưng chỉ thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất: *1. Nếu người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản được xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác; 2. Nếu người sử dụng đất không đồng thời là người chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì khi xử lý quyền sử dụng đất, chủ sở hữu tài*

sản gắn liền với đất được tiếp tục sử dụng đất trong phạm vi quyền, nghĩa vụ của mình; quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp trong mối quan hệ với chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển giao cho người nhận chuyển sử dụng đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trong trường hợp này người sử dụng đất là ông T.Lđồng thời là người sở hữu tài sản trên đất (việc bà H, bà Ncho rằng ngôi nhà trên đất có 1 phần là tài sản của mình nhưng không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét trong vụ án này), do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V Bank về việc xử lý tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nếu ông T.Lkhông thực hiện nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, ông N.V.Qcó đơn đề nghị ngày 29/8/2020 trình bày về việc thuê nhà của ông T.Lvà xuất trình Hợp đồng thuê nhà (không có công chứng, chứng thực) ký kết ngày 01/04/2014 giữa ông Lvà ông Q, thời hạn thuê nhà đến 31/3/2024, ông Q đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết quyền lợi của ông trong cùng vụ án trên. Xét thấy, quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, ông T.Lkhông cung cấp thông tin người thuê nhà, nên cấp sơ thẩm không đưa ông Q tham gia tố tụng vụ án trên là có căn cứ. Trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G.L, thành phố Hà Nội

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí phúc thẩm: Ông Đ.T.L phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý do trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 121, 122, 318, 323, 342, 343, 344, 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 325 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 167 của Luật đất đai năm 2013;
- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G.L, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V Bank đối với ông Đ.T.L

- Buộc ông Đ.T.L phải thanh toán trả cho Ngân hàng V Bank tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 1939735 ngày 15/10/2014 và Khế ước nhận nợ số 1939735 ngày 15/10/2014 tính đến ngày 31/10/2019 số tiền là 1.274.246.254 đồng, trong đó nợ gốc là 765.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 509.246.254 đồng.

- Buộc ông Đ.T.L phải thanh toán trả cho Ngân hàng V Bank tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn và phí phát sinh từ Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 02/4/2015 tính đến ngày 31/10/2019 số tiền là 154.992.089 đồng, trong đó nợ gốc là 36.057.230 đồng, nợ lãi quá hạn và phí là 118.934.859 đồng.

Tổng số tiền phải trả là 1.429.238.343 đồng (Một tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm bốn mươi ba đồng)

Kể từ ngày 01/11/2019 ông T.L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của từng số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, trong cam kết mở thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Trường hợp ông Đ.T.L không trả được khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng V Bank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 17(1)-3, tờ bản đồ số 34, tổ dân phố A.Đ, thị trấn T.Q, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 518780, số vào sổ cấp GCN: CH03324/2953/QĐ-UBND do UBND huyện G.L cấp ngày 08/11/2011 đứng tên ông Đ.T.L, theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 3808/2014, quyển số 03-2014 ngày 13/10/2014 tại Văn phòng công chứng K.Đ, thành phố Hà Nội.

Khi xử lý tài sản thế chấp ông Đ.T.L, bà Đ.T.N và những người đang ở tại nhà đất trên phải có trách nhiệm bàn giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản trên đất giữa ông Đ.T.L với bà Đ.T.N, bà Đ.T.T.H sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ điều kiện khởi kiện.

4. Về án phí:

Ông Đ.T.L phải chịu 54.877.000 đồng (Năm mươi tư triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm. Xác nhận ông T.L đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên

lai số AA/2010/0004846 ngày 13/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.L, Hà Nội.

Hoàn trả Ngân hàng V Bank tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 24.252.000 đồng (Hai mươi tư triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo biên lai số AA/2010/0004240 ngày 05/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.L, Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận :

- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND huyện G.L;
- Chi cục THADS huyện G.L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Hoàng Thị Thu Lan